さくら国際学園
Sakura International Academy

Mục lục

①Giới thiệu về Trường

②Học Phí・Kí túc xá

③Qui trình du học Nhật Bản

④Chương trình giáo dục・Học lên cao

⑤Đời sống Nhật Bản

⑥Chương trình học bổng

⑦Các Hoạt động ngoại khoá,cuộc sống sinh hoạt tại Trường

①Giới thiệu về Trường

Cơ sở Shimonoseki

Học Viện Ngôn Ngữ Quốc Tế Sakura

Số lượng tối đa học viên : 200 học viên

(Tính đến 2020.2 Trường có 179 học viên)

Tiết học　Buổi sáng

Các khoá nhập học

Tháng 4・Tháng7・Tháng 10

《Thành Phố Shimonoseki》

Một thành phố nằm ở phía tây của tỉnh Yamaguchi,tại điểm cực tây của Honshu.

Dân số　265,000 dân

Shimonoseki là thành phố phát triển thịnh vượng,có eo biển kanmon chảy giữa ngăn cách bởi Honsyu và Kyusyu. Hiện tại, thành phố có dân số đông nhất ở tỉnh Yamaguchi

Cơ sở Hagi

Học Viện Giáo Dục Ngôn Ngữ Quốc Tế Sakura

Số lượng tối đa học viên : 100 học viên

(Tính đến 2020.2 Trường có 97 học viên)

Tiết học buổi sáng

Các khoá nhập học

Tháng 4・Tháng7・Tháng 10

《Thành Phố Hagi》

Một thành phố hướng ra biển Nhật Bản nằm ở phía bắc của tỉnh Yamaguchi

Dân số 47,000 dân

Là một thành phố nổi tiếng trong lịch sử cũng là một thành phố bắt nguồn ra Đền Shoin, nơi lưu giữ vị thần học tập và là Thủ tướng đầu tiên của Nhật Bản.

Cơ sở Tokyo

Ngôn Ngữ Sakura Pangea

Số lượng học viên tối đa : 100 học viên

Tiết học　buổi sáng

Các khoá nhập học

Tháng 4・Tháng7・Tháng 10

《Asakusa - Tokyo》

Thủ đô Nhật Bản

Với mật độ dân số 9,270,000 dân

Trung tâm chính trị, văn hóa và kinh tế

②Học Phí・Kí túc xá

Học phí – Kí túc xá (Cơ Sở Hagi – Shimonoseki)

Năm 1 （Thanh toán một lần trước khi nhập học）

	Khoá tháng 4	Khoá tháng 7	Khoá tháng 10	Mỗi 1 tháng
Lệ phí thi tuyển sinh	10,000 yên	10,000 yên	10,000 yên	—
Phí nhập học	50,000 yên	50,000 yên	50,000 yên	—
Học phí	650,000 yên	650,000 yên	650,000 yên	—
Phí giáo trình (2 năm)	20,000 yên	20,000 yên	20,000 yên	—
Phí đầu vào KTX	20,000 yên	20,000 yên	20,000 yên	—
Thanh toán một lần phí KTX	180,000 yên	180,000 yên	180,000 yên	15,000 yên
Trang thiết bị	30,000 yên	30,000 yên	30,000 yên	—
Chăn,nệm	10,000 yên	10,000 yên	10,000 yên	—
Lê phí ngân hàng	5,000 yên	5,000 yên	5,000 yên	—
TỔNG	975,000 yên	975,000 yên	975,000 yên	

Năm 2

※Sinh hoạt phí sẽ tính riêng

	Khoá tháng 4	Khoá tháng 7	Khoá tháng 10	Mỗi 1 tháng
Học phí	**650,000 yên**	**487,500 yên**	**325,000 yên**	—
Kí túc xá	**180,000 yên**	**135,000 yên**	**90,000 yên**	**15,000 yên**

Học phí – Kí túc xá (Cơ Sở Tokyo)

Năm 1 （Thanh toán một lần trước khi nhập học）

	Khoá tháng 4	Khoá tháng 7	Khoá tháng 10	Mỗi 1 tháng
Lệ phí thi tuyển sinh	20,000 yên		20,000 yên	—
Phí nhập học	80,000 yên		80,000 yên	—
Học phí	650,000 yên		650,000 yên	—
Phí giáo trình (2 năm)	30,000 yên		30,000 yên	—
Phí đầu vào KTX	20,000 yên		20,000 yên	—
Thanh toán một lần phí KTX (6 tháng)	**180,000 yên**		**180,000 yên**	**30,000 yên**
Trang thiết bị	60,000 yên		60,000 yên	—
Chăn,nệm	10,000 yên		10,000 yên	—
Lê phí ngân hàng	5,000 yên		5,000 yên	—
TỔNG	**1,055,000 yên**		**1,055,000 yên**	

Năm 2

※Sinh hoạt phí sẽ tính riêng. Cơ Sở Tokyo không tuyển sinh kỳ tháng 7

	Khoá tháng 4	Khoá tháng 7	Khoá tháng 10	Mỗi 1 tháng
Học phí	**650,000 yên**		**325,000 yên**	—
Kí túc xá	**360,000 yên**		**360,000 yên**	**30,000 yên**

Phí kí túc xá

	Kí túc xá（1 tháng）	Kí túc xá（1 năm）	Phí đầu vào
Cơ Sở Hagi	15,000 yên	180,000 yên	20,000 yên
Cơ Sở Shimonoseki	15,000 yên	180,000 yên	20,000 yên
Cơ Sở Tokyo	30,000 yên	360,000 yên	20,000 yên

	Nội dung
Trang thiết bị	Phòng ăn、phòng tắm (có nước nóng)、điều hoà、tủ lạnh、máy giặt
Phí gas - điện - nước	Chi phí thực tính theo đồng hồ đo gas – điện - nước
Phí sinh hoạt	Chi phí thực . Siêu thị ở gần Trường và Kí túc xá

※Phí ký túc xá có thể phát sinh trong năm thứ hai tuỳ theo sự thay đổi vị trí KTX và cơ sở vật chất của ký túc xá.

Chi phí sinh hoạt tối thiểu cần thiết cho một tháng ngoài học phí
(dựa vào mức phí của cơ sở Hagi và Shimonoseki) (cuộc sống trong năm thứ hai)

Thu nhập làm thêm

Làm thêm	
830 yên	1 giờ
×	
28 giờ	tuần
×	
4 tuần	tháng
↓	
92,960 yên	/1 th

−

Sinh hoạt phí

phí	Mức chi
KTX※1	15,000 yên
Phí điện	4,200 yên
Phí gas	1,700 yên
Phí nước	1,600 yên
Tiền ăn	30,000 yên
Các phí khác	15,000 yên
tổng※2	**67,500 yên**

=

Tiền tiết kiệm còn lại

+25,460 yên

※Khoảng thời gian đầu
Tiết kiệm tiền làm thêm
Sẽ có chút khó khăn

※1 Giá khác nhau tùy thuộc vào diện tích phòng, cơ sở vật chất, v.v.
※ 2 Trong thực tế, có thể mức phí sinh hoạt sống sẽ khác nhau

Chi phí sinh hoạt tối thiểu cần thiết cho một tháng ngoài học phí (dựa vào mức phí của cơ sơ Tokyo) (cuộc sống trong năm thứ hai)

Thu nhập làm thêm

Làm thêm	
1010 yên	1 giờ
×	
28 giờ	tuần
×	
4 tuần	Tháng
↓	
113,120 yên	/1tháng

−

Sinh hoạt phí

phí	Mức chi
KTX※1	**30,000 yên**
Phí điện	4,200 yên
Phí gas	1,700 yên
Phí nước	1,600 yên
Tiền ăn	30,000 yên
Các phí khác	15,000 yên
tổng※2	**82,500 yên**

=

Tiền tiết kiệm còn lại

+30,620 yên

※Khoảng thời gian đầu
Tiết kiệm tiền làm thêm
Sẽ có chút khó khăn

※1 Giá khác nhau tùy thuộc vào diện tích phòng, cơ sở vật chất, v.v.
※ 2 Trong thực tế, có thể mức phí sinh hoạt sống sẽ khác nhau

③Quy trình du học Nhật Bản

Quy trình du học Nhật Bản

Phỏng vấn & Làm bài test

Thông báo tuyển chọn / Giấy báo đỗ Học viện Quốc tế Sakura

Đơn xin nhập học,chuẩn bị các giấy tờ cần thiết

Nộp hồ sơ cho Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nhận kết quả tư cách lưu trú từ Cục quản lý xuất nhập cảnh

Thanh toán học phí

Tiến hành làm Visa

Nhập cảnh Nhật Bản

④Chương trình giáo dục & định hướng

Thời gian biểu （Khoá học tháng 4）

4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4

(chuẩn bị hồ sơ thi tuyển)

(Thi tuyển sinh Đại học)

Nhập học vào trường tiếng

Tốt nghiệp trường tiếng

Vào đại học

Thi phân chia lớp

JLPT Đăng ký kì 2 → JLPT Dự thi kì 2

JLPT Nhận kết quả kì 2

JLPT đăng ký kì 1 → JLPT Dự thi kì 1 → JLPT Nhận kết quả kì 1

EJU Đăng ký kì 1 → EJU Dự thi kì 1

EJU Nhận kết quả kì 1

JLPT Đăng ký kì 2 → JLPT Dự thi kì 2 → JLPT Nhận kết quả kì 2

EJU Đăng ký kì 2 → EJU Dự thi kì 2

EJU Nhận kết quả kì 2

Thời gian biểu （Khoá học tháng 7）

7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4

Nhập học vào trường tiếng

Thi phân chia lớp

(Chuẩn bị hồ sơ thi tuyển)

(Thi tuyển sinh đại học)

Tốt nghiệp Trường tiếng

Vào Đại Học

JLPT Đăng ký kì 1 → JLPT Dự thi kì 1 → JLPT Nhận kết quả kì 1

EJU Đăng ký kì 1 → EJU Dự thi kì 1 → EJU Nhận kết quả kì 1

JLPT Đăng ký kì 2 → JLPT 第Dự thi kì 2 → JLPT Nhận kết quả kì 2

EJU Đăng ký kì 2 → EJU Dự thi kì 2 → EJU Nhận kết quả kì 2

Thời gian biểu （Khoá học tháng 10）

10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4

(chuẩn bị hồ sơ thi tuyển)

(Thi tuyển sinh Đại Học)

Nhập học vào trường tiếng

Thi phân chia lớp

JLPT Đăng ký kì 1 → JLPT Dự thi kì 1 → JLPT Nhận kết quả kì 1

EJU Đăng ký kì 1 → EJU Dự thi kì 1 → EJU Nhận kết quả kì 1

JLPT Đăng ký kì 2 → JLPT Dự thi kì 2 → JLPT Nhận kết quả kì 2

EJU Đăng ký kì 2 → EJU Dự thi kì 2 → EJU Nhận kết quả kì 2

Tốt nghiệp Trường tiếng

Vào Đại Học

Thời gian biểu

Cơ sở Shimonoseki (tối đa 200 học viên)

	Thời gian	Bắt đầu	Kết thúc
Sáng	Tiết 1	８：５０	９：３５
	Tiết 2	９：３５	１０：２０
	Tiết 3	１０：３０	１１：１５
	Tiết 4	１１：１５	１２：００

	Thời gian	Bắt đầu	Kết thúc
Chiều	１時間目	１３：５０	１４：１５
	２時間目	１４：１５	１５：００
	３時間目	１５：１０	１５：５５
	４時間目	１５：５５	１６：４０

Cơ sở Hagi (tối đa 100 học viên)

	Thời gian	Bắt đầu	Kết thúc
Sáng	Tiết 1	８：５０	９：３５
	Tiết 2	９：３５	１０：２０
	Tiết 3	１０：３０	１１：１５
	Tiết 4	１１：１５	１２：００

Cơ sở Tokyo (tối đa 100 học viên)

	Thời gian	Bắt đầu	Kết thúc
Chiều	Tiết 1	８：５０	９：３５
	Tiết 2	９：３５	１０：２０
	Tiết 3	１０：３０	１１：１５
	Tiết 4	１１：１５	１２：００

Các lớp học phân chia theo trình độ

Khoá	Lớp	Trình độ năng lực tiếng nhật	Thời lượng tiết học (giờ)	Nội dung tiết học
Năm 2	Lớp 1	N 1	800	**Trung – Cao cấp** Luyện thi N1, luyện thi EJU, Thông tin văn hoá truyền thống Nhật Bản
	Lớp 2	N 2	800	**Trung cấp** Luyện thi N2, luyện thi EJU, Thông tin văn hoá truyền thống Nhật Bản
	Lớp 3	N 3	800	**Trung – Sơ cấp** Luyện thi N3, luyện thi EJU, Thông tin văn hoá truyền thống Nhật Bản
Năm 1	Lớp 4	N 4	800	**Sơ cấp Mục tiêu đạt trình độ N1 (năm 2 trở thành lớp 1)** Luyện thi N4, luyện thi EJU, Thông tin văn hoá truyền thống Nhật Bản
	Lớp 5	N 4	600	**Sơ cấp Mục tiêu đạt trình độ N2 (năm 2 trở thành lớp 2)** Luyện thi N4, luyện thi EJU, Thông tin văn hoá truyền thống Nhật Bản
	Lớp 6	N 4	400	**Sơ cấp Mục tiêu đạt trình độ N3 (năm 2 trở thành lớp 3)** Luyện thi N4, luyện thi EJU, Thông tin văn hoá truyền thống Nhật Bản

Tại Sakura,Trường chúng tôi luôn đặt ra tiêu chí các lớp học sẽ đạt trình độ kỳ thi Năng lực tiếng Nhật N3 trở lên.
Ngoài ra,các học viên có chứng chỉ năng lực tiếng Nhật N1 và N2, có thể được giảm học phí hoặc được miễn học phí tại các Trường được chỉ định (trường đại học / trường trung cấp nghề). Ngoài ra, sẽ tạo điều kiện thuận lợi khi xin việc tại các công ty Nhật Bản.

Lộ trình

Học Viện Ngôn Ngữ Quốc Tế Sakura (Shimonoseki)
・Học Viện Giáo Dục Ngôn Ngữ Quốc Tế Sakura (Hagi)・Ngôn Ngữ Sakura Pangea (Tokyo)

Đại Học → Học lên / Đi làm

Trung cấp → Học lên / Đi làm

※Đại Học (4 năm) dành cho học sinh tốt nghiệp → Đi làm(Nhật Bản・Việt Nam)

JLPT N4

Đỗ kỳ thi tay nghề

→ Visa đặc định tokutei

Các Trường học lên tiêu biểu（Trung cấp nghề）

専門学校	専門学校	専門学校
関東工業自動車大学校	九州ビジネス専門学校	宮崎情報ビジネス医療専門学校
大原自動車工科大学校	富士国際ビジネス専門学校	ＩＧＬ医療福祉専門学校
日産愛媛自動車大学校	麻生情報ビジネス専門学校	駿台観光＆外語ビジネス専門学校
群馬工科自動車大学校	大原簿記情報専門学校	四日市情報外語専門学校
静岡工科自動車大学校	大原簿記公務員専門学校	ECC国際外語専門学校
東京工科自動車大学校	ニホン国際ITカレッジ	福岡外語専門学校
麻生工科自動車大学校	NIPPONおもてなし専門学校	東京美術学院
京都コンピュータ学院	エール学園	中央美術学院
コンピュータ教育学院	ライフジュニアカレッジ	アーツカレッジ横浜
西日本アカデミー航空専門学校	日本ウェルネススポーツ専門学校	ＹＩＣキャリアデザイン専門学校

※ Sakura là trường hướng tới việc học lên cao, vì vậy về cơ bản sẽ hướng cho học viên học tiếp lên đại học hoặc trường trung cấp dạy nghề.Chỉ những học viên đã tốt nghiệp đại học (4 năm) sẽ có thể xin việc làm sau khi tốt nghiệp trường tiếng. Nếu học viên có nguyện vọng xin việc, Trường chúng tôi luôn sẵn sàng tư vấn hướng nghiệp cho học viên.

Các Trường học lên tiêu biểu （Đại Học）

私立大学（山口地区）
下関市立大学
徳山大学
梅光学院大学
東亜大学
至誠館大学

私立大学（九州地区）
九州国際大学
九州産業大学
日本経済大学
立命館アジア太平洋大学
第一工業大学
崇城大学
西日本工業大学
折尾愛真短期大学

私立大学（関西地区）
立命館大学
大阪観光大学
鈴鹿国際大学
龍谷大学
南山大学
大阪産業大学

※ Sakura là trường hướng tới việc học lên cao, vì vậy về cơ bản sẽ hướng cho học viên học tiếp lên đại học hoặc trường trung cấp dạy nghề.Chỉ những học viên đã tốt nghiệp đại học (4 năm) sẽ có thể xin việc làm sau khi tốt nghiệp trường tiếng. Nếu học viên có nguyện vọng xin việc, Trường chúng tôi luôn sẵn sàng tư vấn hướng nghiệp cho học viên.

Tư vấn hướng nghiệp

- Chủ yếu định hướng học viên học lên thi tuyển vào các trường đại học và trung cấp dạy nghề
- Một số ít học viên đã tốt nghiệp đại học sẽ được tuyển dụng vào Công Ty tại Nhật
- Tuy nhiên,vì không đủ điều kiện học lên mà một số ít học viên sẽ phải trở về nước

（Năm 1）

- Ngay sau khi nhập học,tham gia buổi hướng nghiệp định hướng bản thân (có phiên dịch viên hỗ trợ)
- Các buổi tư vấn cá nhân được tổ chức vào cuối mỗi học kỳ
- Hướng dẫn về hoạt động trên lớp và cuộc sống sinh hoạt tại Trường
- Buổi tư vấn (khảo sát) hướng nghiệp định kỳ vào mùa đông cho học sinh chuẩn bị lên năm 2

（Năm 2）

- Các buổi tư vấn hướng nghiệp cho học sinh năm 2
- Vào tháng 7 và tháng 9 tham gia các buổi hội thảo do các trường Đại Học và trung cấp nghề tổ chức.
  - Sau mỗi học kì sẽ tổ chức tư vấn hướng nghiệp thường xuyên
  - Chủ yếu sẽ rèn luyện kĩ năng sống và học tập tại Nhật
- Thực hành & luyện tập phỏng vấn cho học viên trước khi tham gia kỳ thi tuyển sinh vào Đại Học

⑤Đời sống tại Nhật Bản

Kí túc xá

<u>Cơ sở Shimonoseki</u>

- Mất khoảng 15 phút đi bộ đến trường
- Hiện tại trường sở hữu hơn 6 toà kí túc xá

<u>Cơ sở Hagi</u>

- Kí túc nam：Chung khuôn viên Trường học *Tầng 3~5
- Kí túc nữ：Cách trường khoảng 15 phút đi bộ
- Trang thiết bị
- Tất cả các phòng điều được trang bị : tủ lạnh,điều hòa,bàn ghế,chăn đệm,vv…
- Máy giặt,phòng tắm,nhà vệ sinh

Sử dụng chung

Kí túc xá

<u>Cơ sở Shimonoseki</u>

・Mất khoảng 15 phút đi bộ đến trường

・Hiện tại trường sở hữu hơn 6 toà kí túc xá

<u>Cơ sở Hagi</u>

・Kí túc nam：Chung khuôn viên Trường học *Tầng 3~5

・Kí túc nữ：Cách trường khoảng 15 phút đi bộ

・Trang thiết bị

・Tất cả các phòng điều được trang bị : tủ lạnh,điều hòa,bàn ghế,chăn đệm,vv…

・Máy giặt,phòng tắm,nhà vệ sinh

Sử dụng chung

Kí túc xá

<u>Cơ sở Tokyo</u>

- Cách trường 15 phút đi bộ
- Trang thiết bị
- Tất cả các phòng điều được trang bị :

  tủ lạnh,điều hòa,bàn ghế,chăn đệm,vv…
- Máy giặt,phòng tắm,nhà vệ sinh

  Sử dụng chung

⑥Chương trình học bổng(tham khảo)

Các chương trình học bổng（tham khảo）

Dưới đây là các chương trình học bổng tiêu biểu do Nhà nước Nhật Bản
Và nhà Trường đặc biệt tổ chức nhằm hỗ trợ học viên học tập tại Nhật

⑴Học bổng của Trường (Học viện Quốc Tế Sakura)
⑵Học bổng của Chính phủ Nhật Bản
(Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ)
⑶Học bổng của Tổ chức độc lập trực thuộc chính phủ Nhật Bản (JASSO)
⑷Học bổng của các đơn vị tổ chức học bổng địa phương
⑸Học bổng từ các tổ chức học bổng tư nhân

＊Việc xét và cấp học bổng sẽ lựa chọn các học viên đáp ứng đủ yêu cầu.

⑴Học bổng từ Học Viên Quốc Tế Sakura

	Điều kiện	Mức học bổng
Tiền thưởng	Học viên đỗ kỳ thi năng lực tiếng Nhật N1	10,000 yên
Thưởng thành tích	Học viên có thành tích học tập tốt và điểm chuyên cần cao	(đang xem xét)

⑵Học bổng Chính phủ Nhật Bản(Bộ Giáo Dục)

Học bổng của Chính phủ Nhật Bản (Bộ Giáo Dục)			
Đối tượng	Các học viên theo diện Trung Cấp Nghề tại (Cơ sở Shimonoseki,Hagi)	Mức học bổng	**117,000/tháng**
Điều kiện	Nghiên cứu viên các ngành công nghiệp,an toàn vệ sinh, giáo dục, phúc lợi xã hội,thương mại, phục trang,văn hóa, v.v….	Số lượng	Số lượng ít
Yêu cầu	・hoàn thành và tốt nghiệp trung học phổ thông (12 năm)	Thời gian nhận	3 năm
		Giới hạn độ tuổi	17～25 tuổi

＊Việc xét và cấp học bổng sẽ lựa chọn các học viên đáp ứng đủ yêu cầu.

(3)Học bổng của Tổ chức độc lập trực thuộc chính phủ Nhật Bản (JASSO)

Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Học bổng ưu đãi dành cho sinh viên nước ngoài (Chương trình Xúc tiến Tiếp nhận Sinh viên Quốc tế)			
Đối tượng	Sinh viên nước ngoài du học tự túc đăng ký vào các cơ sở giáo dục tiếng Nhật để vào các trường đại học, cao học, cao đẳng, cao đẳng công nghệ, trường dạy nghề, v.v. của Nhật Bản.	Mức học bổng	**48,000 yên/ tháng**
Điều kiện	Học viên có tư cách thị thực visa du học sinh, có tỷ lệ đi học một năm từ 90% trở lên và có điểm số xuất sắc	Số lượng	15~20 học viên
Yêu cầu	・Số tiền gửi trung bình hàng tháng là 90.000 yên trở xuống ・ Thu nhập hàng năm của những người phụ thuộc (bố mẹ, v.v.) sống tại Nhật Bản dưới 5 triệu yên. ・ Đủ tư cách nhận giấy tiến cử của Trường tiếng	Thời gian nhận	1 năm
		Độ tuổi giới hạn	Không giới hạn

※Về tiêu chuẩn ứng tuyển, không có giới hạn về độ tuổi, xuất thân hay khu vực,
Cũng không bắt buộc theo học tại Trường Đại Học hay trung cấp nghề nào.

＊Việc xét và cấp học bổng sẽ lựa chọn các học viên đáp ứng đủ yêu cầu.

⑷Học bổng của các đơn vị tổ chức học bổng địa phương

(NPO) Hiệp hội học bổng LSH Châu Á			
Đối tượng	Sinh viên quốc tế đến từ Châu Á đang theo học tại (trường Hagi, trường Shimonoseki, trường Tokyo) tại một cơ sở giáo dục tiếng Nhật	Mức học bổng	**20,000円/年**
Điều kiện	・Học viên có tư cách với thị thực visa du học sinh, duy trì tỷ lệ đi học chuyên cần cao và có điểm thành tích xuất sắc	Số lượng	Khoảng 55 học viên
Yêu cầu	・Học viên của các cơ sở giáo dục tiếng Nhật không phải là sinh viên quốc tế đến các trường đại học và cao đẳng.	Thời gian nhận	5 tháng
		Độ tuổi giới hạn	Không giới hạn

※Không có giới hạn về độ tuổi hoặc các lĩnh vực được chỉ định liên quan đến trình độ.

＊Việc xét và cấp học bổng sẽ lựa chọn các học viên đáp ứng đủ yêu cầu.

(5)Học bổng từ các tổ chức học bổng tư nhân

Quỹ học bổng giao lưu quốc tế đồng thiết lập			
Đối tượng	Sinh viên từ các cơ sở giáo dục tiếng Nhật (bao gồm Học viện Quốc tế Sakura) và sinh viên quốc tế đến từ Châu Á *	Mức học bổng	**60,000 yên/ năm**
Điều kiện	・Học viên có tư cách với thị thực visa du học sinh, duy trì tỷ lệ đi học chuyên cần cao và có điểm thành tích xuất sắc	Số lượng	khoảng 35 học viên
Yêu cầu	・Mỗi trường được tiến cử 1 học viên ・ Chỉ học viên năm 1 mới có thể nộp hồ sơ.	Thời gian nhận	1 năm
		Độ tuổi giới hạn	Không giới hạn

※Không có giới hạn về độ tuổi hoặc các lĩnh vực được chỉ định liên quan đến trình độ.
※Mục tiêu đến các nước Châu Á: Hàn Quốc, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Đài Loan, Hồng Kông, Ma Cao, Mông Cổ, Việt Nam, Lào,Campuchia, Thái Lan, Myanmar, Malaysia, Singapore, Indonesia, Philippines, Ấn Độ,Sri Lanka, Pakistan, Bangladesh, Nepal, Bhutan, Đông Timor, Brunei, Maldives…

⑦Các hoạt động ngoại khoá

Tiết học ngoại khoá

Ngắm hoa

Đi bộ đường dài

Tắm biển

Tham quan

Lễ hội

Giáng sinh

Trà đạo

Tiết học ngoại khoá

《Buổi diễn văn》

《Hướng dẫn
sinh hoạt đời sống》

g c ất

diễn tập phòng cháy chữa cháy 》

Hướng dẫn cách

Hướng dẫn An

Hướng dẫn của Hải

Diễn tập

Đối với việc làm thêm

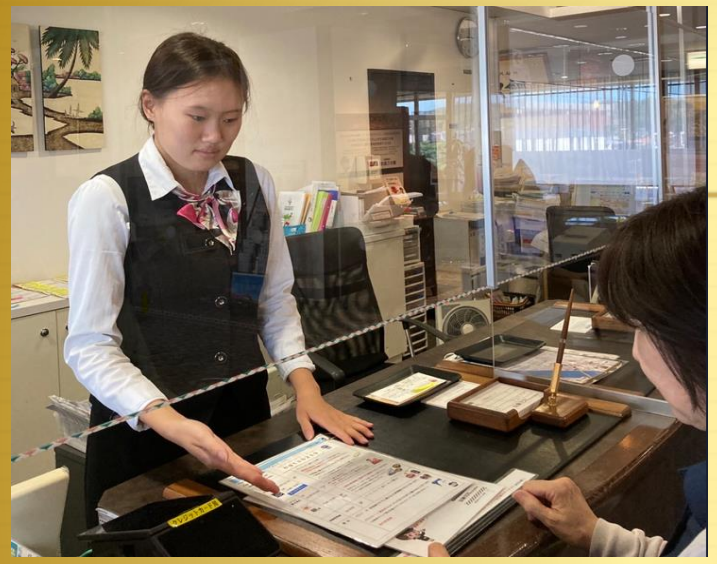

Làm thêm

- Học viên được phép làm thêm 28h/tuần
- Trường sẽ giới thiệu cho học viên một công việc làm thêm đủ số giờ cho phép
- Công việc phù hợp với trình độ tiếng nhật

Các công việc làm thêm tiêu biểu như :

- Cửa hàng tiện lợi
- Phục vụ nhà hàng,quán ăn
- Thông dịch viên tại bảo tàng
- Công xưởng chế biến

Những điều lưu ý khi đến Nhật

1. Số lượng du học sinh đến Nhật Bản ngày càng tăng theo ước tính hàng năm, và hiện có hơn 300.000 du học sinh tại Nhật Bản. Cùng với đó, trình độ tiếng Nhật của sinh viên cũng ngày càng được cải thiện. Cho nên hãy trào dồi vốn học tiếng Nhật thật tốt trước khi bạn đến Nhật Bản, không phải sau khi đến Nhật Bản.
2. Ở trường,hàng ngày đều có các bài test nhỏ. Những học viên không nỗ lực sẽ cảm thấy nản lòng vì không theo kịp chương trình.
3. Học tập là mục tiêu chính của các bạn du học sinh. Nếu bạn đến Nhật Bản chỉ để làm thêm, bạn sẽ gặp nhiều rắc rối sau này. Hãy xem việc học tiếng Nhật là lựa chọn ưu tiên hàng đầu cho tương lai của bạn.

4. Có nhiều thông tin không đáng tin cậy cho rằng việc du học là con đường có thể kiếm rất nhiều tiền
   ✖ 「lương 1 giờ làm thêm 3000 yên」
   ✖ 「 Khi đi du học, bạn có thể kiếm được 200.000 đến 300.000 yên một tháng dựa công việc làm thêm, vì vậy bạn có thể trang trải học phí và sinh hoạt của mình.Hơn hết, bạn còn có thể gửi tiền về nhà」

5. Những học sinh không tuân thủ luật pháp Nhật Bản và nội quy của trường sẽ bị phạt rất nặng.
6. Sau khi nhận được thư mời nhập học, hãy chuẩn bị cho việc đến Nhật Bản càng sớm càng tốt.Nếu bạn đến Nhật Bản muộn, bạn sẽ phải học bổ túc cho kịp chương trình trên lớp đang học.

Sakura International Academy

Học Viện Ngôn Ngữ Quốc Tế Sakura
(Cơ sở Shimonoseki)
Học Viện Giáo Dục Ngôn Ngữ Quốc Tế Sakura
(Cơ sở Hagi)
Ngôn Ngữ Sakura Pangea
（Cơ sở Tokyo）